

# 1.19 Tỷ suất chết thô theo thành thị/nông thôn và vùng, 2005-2015

*Crude death rate by urban/rural and region, 2005-2015*

Đơn vị tính - Unit: ‰

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015 Sơ bộ/ Prel
<b>Toàn quốc</b> <i>Whole Country</i>	5,3	5,3	5,3	5,3	6,8	6,8	6,9	7,0	7,1	6,9	6,8
- Thành thị/ <i>Urban</i>	4,2	4,8	4,7	4,8	5,5	5,5	5,8	5,9	6,3	6,1	-
- Nông thôn/ <i>Rural</i>	5,8	5,5	5,6	5,5	7,4	7,3	7,4	7,5	7,5	7,2	-
<b>Vùng/Region</b>											
Đồng bằng sông Hồng - <i>Red River Delta</i>	5,3	5,6	6,0	5,4	7,2	7,1	7,5	7,7	7,8	7,1	-
Đông Bắc - <i>Northeast</i>	5,8	6,3	6,1	5,6	6,6	6,6	7,0	7,5	7,6	7,0	-
Tây Bắc - <i>Northwest</i>	6,4	5,5	6,0	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	-
Bắc Trung bộ - <i>North Central Coast</i>	6,0	6,2	6,3	5,8	7,1	7,1	7,7	6,8	7,1	7,6	-
Duyên hải Nam Trung bộ - <i>South Central Coast</i>	5,7	4,9	5,8	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	-
Tây Nguyên - <i>Central Highlands</i>	5,7	4,4	4,5	5,4	6,1	6,1	5,7	6,2	6,3	5,7	-
Đông Nam bộ - <i>Southeast</i>	4,4	4,2	4,3	4,6	6,3	6,3	5,9	6,5	6,4	5,4	-
Đồng bằng sông Cửu Long - <i>Mekong River Delta</i>	5,1	5,1	4,7	4,9	6,8	6,8	6,6	6,8	7,0	7,3	-

Ghi chú:

(\*) Từ năm 2008: - Gộp vùng Đông Bắc và Tây Bắc, đổi tên thành vùng "Trung du và miền núi phía Bắc"

- Gộp vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ, đổi tên thành vùng "Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung"

Nguồn: TCTK, Điều tra biến động dân số và KHHGD 1/4 năm 2005-2008, 2010-2013.

TCTK, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009; Các kết quả chủ yếu.

TCTK, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014.

TCTK, Tình hình kinh tế - xã hội 2015.

Source: GSO, Population change and family planning survey 1/4 period 2005- 2008, 2010-2013.

GSO, The 2009 Vietnam population and housing census: Major findings.

GSO, The 2014 Vietnam intercensal population and housing survey.

GSO, Socio-economic situation in 2015.